

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM (HSX: POW) – CẬP NHẬT KQKD Q2.2025

Ngành

ĐIỆN

LÃI RÒNG THEO QUÝ CAO NHẤT TRONG VÒNG 3 NĂM GẦN ĐÂY

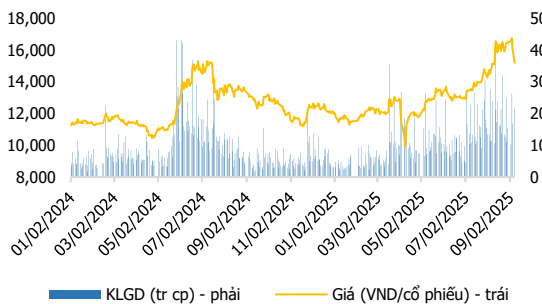
KHUYẾN NGHỊ

MUA

Giá mục tiêu	18,100
Giá hiện tại	15,200
Thay đổi	+19%
Ngày	09/09/2025

Một số chỉ tiêu chính	2024	2025F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	30,306	39,664
LN gộp (tỷ VND)	1,998	3,176
EBIT (tỷ VND)	1,566	2,164
LN ròng (tỷ VND)	1,211	1,566
Tăng trưởng LNR (%)	-6%	29%
EPS (VND)	475	559
Tăng trưởng EPS (%)	7%	18%
BVPS (VND)	13,668	14,479
ROE (%)	3.5%	4.4%
ROA (%)	1.6%	1.9%

Diễn biến giá cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông

Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	79.94%
Cổ đông khác	20.06%

CHUYÊN GIA PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Thu Trang

trangntt@psi.vn

Biên gộp mở rộng gấp rưỡi thúc đẩy lãi ròng bứt phá nhờ: (1) Giá khí ổn định và giá than giảm mạnh giúp doanh nghiệp tiết giảm chi phí nguyên liệu đầu vào; (2) Sản lượng điện hợp đồng (Qc) tăng vượt trội 34.3% từ mức nền thấp cùng kỳ. Trong đó, Qc giao nhóm nhiệt điện tăng 33.7% với NT1 được huy động trở lại và nhóm thủy điện tăng 45% YoY bởi điều kiện thủy văn thuận lợi. Nhờ vậy, giá bán điện bình quân của doanh nghiệp tăng 3% YoY, đi ngược xu hướng giảm 28% YoY của giá điện toàn phần (FMP).

Theo đó, **lãi ròng thiết lập mức cao nhất trong vòng 3 năm trở lại đây đạt 762 tỷ đồng (+72% YoY)** dù doanh thu đi ngang cùng kỳ. Với kết quả trên, doanh nghiệp đã hoàn thành 281% mục tiêu lợi nhuận cả năm chỉ sau 6 tháng.

Điện khí LNG là xu hướng tất yếu trong bối cảnh nguồn cung khí nội địa suy giảm nhanh và nhu cầu nhập khẩu LNG từ Mỹ tăng nhằm cải thiện cán cân thương mại. Để hiện thực hóa mục tiêu trên, Nhà nước đã ban hành các chính sách bản lề gồm: (1) Giảm thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với LNG; (2) Ban hành mức giá trần phát điện LNG mới cao hơn 28% so với mức cũ (3) Các nhà máy điện khí LNG sẽ được đảm bảo tỷ lệ giao Qc tối thiểu 65% trong thời gian tối đa 10 năm. Những yếu tố tiên quyết trên tạo động lực cho các nhà máy điện khí LNG, tiên phong là POW.

Dự án trọng điểm Nhơn Trạch 3&4 – thời điểm vận hành thương mại không còn xa. Tính đến cuối Q2.2025, tiến độ thiết kế, cung ứng vật tư và xây lắp (EPC) của dự án đã đạt 99%, dự kiến vận hành thương mại vào cuối Q3/2025 với NT3 và cuối năm 2025 với NT4. Để đảm bảo an ninh nhiên liệu và hiệu quả đầu tư cho dự án, POW đã hoàn tất ký hợp đồng cung cấp khí LNG (GSA) và hợp đồng mua bán điện (PPA) với GAS. Hai nhà máy mới dự kiến bổ sung khoảng 9 tỷ kWh điện mỗi năm (tương ứng công suất 1,6 GW), là yếu tố then chốt thúc đẩy tăng trưởng sản lượng và doanh thu cho POW. Theo Ban lãnh đạo, với cơ chế vận hành hiện nay, đến năm 2027 Nhơn Trạch 3&4 sẽ có lợi nhuận hòa nhập vào tổng công ty.

Kế hoạch tăng vốn: Ngày 07/08 vừa qua, POW đã công bố nghị quyết thông qua kế hoạch triển khai tăng vốn điều lệ. Hiện doanh nghiệp chưa công bố phương án chi tiết song nhiều khả năng đây sẽ là đợt tăng vốn quy mô lớn nhằm tăng cường nguồn lực cho các dự án điện khí trọng điểm đã và sắp triển khai. Đồng thời, việc bổ sung khoản vốn điều lệ mới không chỉ giúp công ty nâng cao năng lực tài chính mà còn tạo tiền đề huy động thêm các khoản vốn - vay mới trong tương lai. Vào ngày 25/9/2025, POW sẽ tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 để thông qua phương án chính thức.

Chúng tôi dự báo doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2025 của POW là 39,664 tỷ đồng (+31% YoY) và 1,566 tỷ đồng (+29% YoY). **Định giá mục tiêu 12 tháng cho cổ phiếu POW ở mức 18,100 đồng/cp (+19% so với giá đóng cửa ngày 09/09/2025).**

Dựa trên định giá và các động lực tăng trưởng chúng tôi khuyến nghị **MUA** cổ phiếu POW.

❖ Biên gộp mở rộng gặp rủi ro thúc đẩy lãi ròng bút phá

Trong Q2.2025, giá vốn giảm 5% YoY giúp biên gộp cải thiện lên 12% từ mức 8% cùng kỳ nhờ:

Sản lượng điện hợp đồng (Qc) tăng vượt trội 34% từ mức nền thấp cùng kỳ giúp giá bán điện bình quân của doanh nghiệp tăng 3% YoY, đi ngược xu hướng giảm 28% YoY của giá điện toàn phần (FMP). Trong đó, Qc giao nhóm nhiệt điện tăng 33.7% với NT1 được huy động trở lại và nhóm thủy điện tăng 45% YoY bởi điều kiện thủy văn thuận lợi.

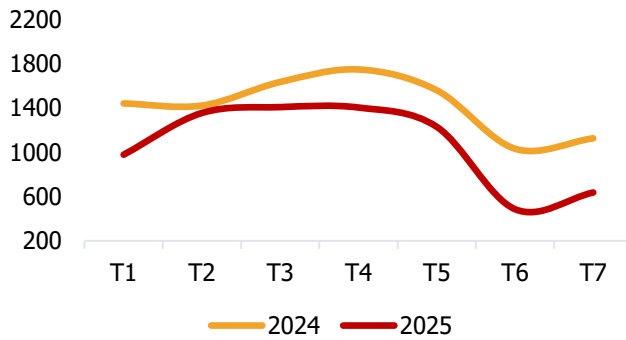
Trong kỳ, sản lượng Qc phân bổ cho NT1 và NT2 cao hơn nhiều so với thực tế phát. Nguyên nhân do A0 tăng huy động nguồn thủy điện thay vì điện khí trên toàn hệ thống. Điều này cho thấy ngoài doanh thu từ phát điện thương mại, NT1 và NT2 có thể đã ghi nhận thêm phần bù từ Qc cam kết mà không phát sinh giá vốn.

Bảng 1: Tổng hợp Kết quả kinh doanh của POW

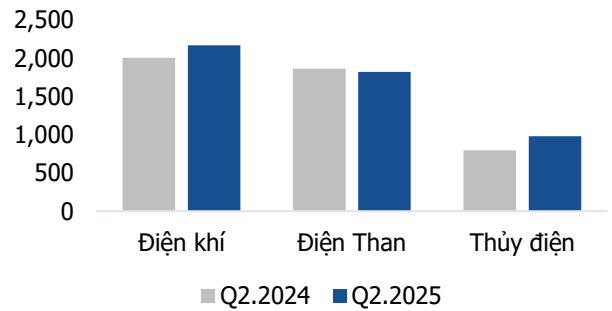
	Q2.2024	Q2.2025	%YoY	6T.2024	6T.2025	% YoY
Tổng sản lượng phát (triệu kWh)	4,888.4	4,726.0	-3.3%	8,369.0	8,971.0	7.2%
Cà Mau 1&2	1,702.3	1,397.0	-17.9%	3,110.0	2,862.0	-8.0%
Vũng Áng 1	1,854.6	1,936.0	4.4%	3,563.0	3,696.0	3.7%
Nhơn Trạch 1	102.7	310.0	201.9%	106.0	427.0	302.8%
Nhơn Trạch 2	1,026.3	776.0	-24.4%	1,178.0	1,369.0	16.2%
Hòa Na	81.9	175.0	113.7%	157.0	292.0	86.0%
Đakdrinh	120.6	132.0	9.5%	255.0	325.0	27.5%
Tổng sản lượng điện hợp đồng (Qc) (triệu kWh)	3,475.3	4,666.0	34.3%	5,858.0	8,368.0	42.8%
Cà Mau 1&2	1,172.2	1,302.0	11.1%	2,341.0	2,547.0	8.8%
Vũng Áng 1	1,344.6	1,708.0	27.0%	2,391.0	3,176.0	32.8%
Nhơn Trạch 1	0.0	458.0		0.0	637.0	
Nhơn Trạch 2	791.7	956.0	20.8%	793.0	1,584.0	99.7%
Hòa Na	74.8	114.0	52.4%	124.0	179.0	44.4%
Đakdrinh	92.0	128.0	39.1%	209.0	245.0	17.2%
Giá bán điện bình quân (VNĐ/kWh)	1,901.7	1,949.4	2.5%	1,844.3	1,909.5	3.5%
Cà Mau 1&2	1,923.6	1,773.8	-7.8%	1,921.0	1,826.0	-4.9%
Vũng Áng 1	1,865.3	1,821.8	-2.3%	1,785.0	1,805.0	1.1%
Nhơn Trạch 1	2,130.5	2,758.1	29.5%	2,136.0	2,550.0	19.4%
Nhơn Trạch 2	2,126.3	2,644.3	24.4%	2,061.0	2,489.0	20.8%
Hòa Na	743.6	1,102.9	48.3%	1,123.0	1,149.0	2.3%
Đakdrinh	830.8	818.2	-1.5%	943.0	891.0	-5.5%
Tổng doanh thu bán điện tạm tính (tỷ VNĐ)	9,296.1	9,213.0	-0.9%	15,435.0	17,130.0	11.0%
Cà Mau 1&2	3,274.6	2,478.0	-24.3%	5,973.0	5,226.0	-12.5%
Vũng Áng 1	3,459.4	3,527.0	2.0%	6,391.0	6,671.0	4.4%
Nhơn Trạch 1	218.8	855.0	290.8%	226.0	1,203.0	432.3%
Nhơn Trạch 2	2,182.2	2,052.0	-6.0%	2,428.0	3,406.0	40.3%
Hòa Na	60.9	193.0	216.9%	177.0	335.0	89.3%
Đakdrinh	100.2	108.0	7.8%	240.0	289.0	20.4%

Nguồn: POW, PSI tổng hợp

Giá điện toàn phần (FMP) (đồng/kWh)



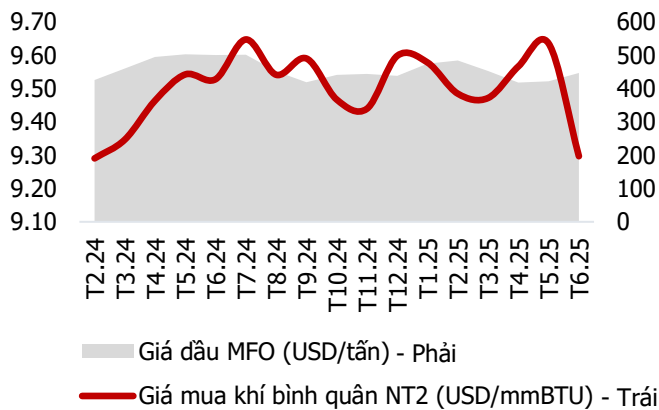
Giá điện bình quân theo nhóm điện của POW (đồng/kWh)



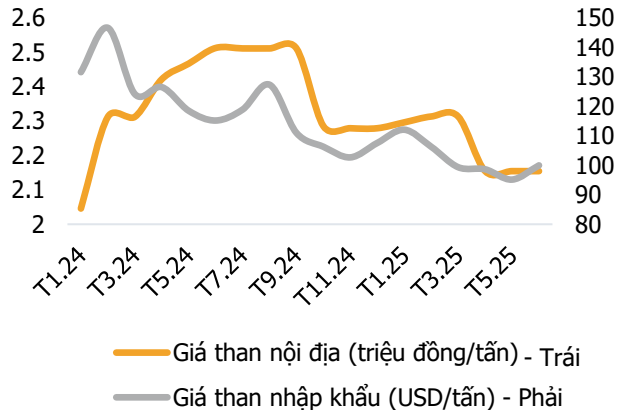
Nguồn: GENCO 3, POW, PSI tổng hợp

Giá khí ổn định và giá than đang có xu hướng giảm giúp doanh nghiệp tiết giảm chi phí nguyên liệu đầu vào. Theo Worldbank, dự kiến giá than thế giới sẽ giảm 27% vào năm 2025 và tiếp tục giảm 5% trong năm 2026 do tăng trưởng kinh tế chậm và nhu cầu tiêu thụ yếu đặc biệt tại Trung Quốc. Tại Việt Nam, giá than nội địa và nhập khẩu Q2.2025 giảm lần lượt khoảng 13% YoY và 18% YoY. Trong khi đó, giá khí đầu vào neo theo giá dầu MFO của NT2 duy trì ổn định so với cùng kỳ.

Diễn biến giá khí đầu vào của NT2



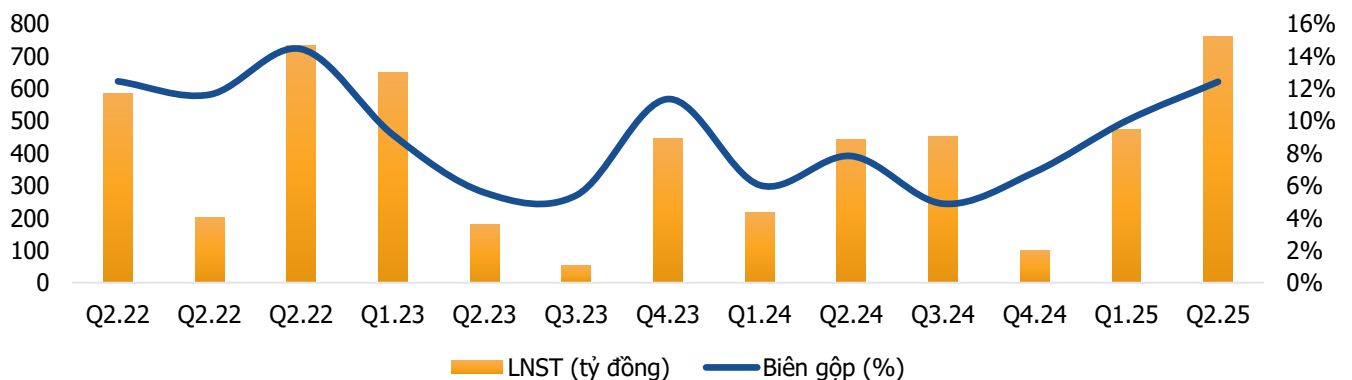
Diễn biến giá than nội địa và nhập khẩu



Nguồn: Tổng cục Hải Quan, NT2, GENCO 3, Bloomberg, PSI tổng hợp

Theo đó, lãi ròng thiết lập mức cao nhất trong vòng 3 năm trở lại đây đạt 762 tỷ đồng (+72% YoY) dù doanh thu đi ngang cùng kỳ. Với kết quả trên, doanh nghiệp đã hoàn thành 281% mục tiêu lợi nhuận cả năm chỉ sau 6 tháng.

Kết quả kinh doanh của POW



Nguồn: POW, PSI tổng hợp

❖ Điện khí LNG là xu hướng tất yếu.

Trong bối cảnh nguồn cung khí nội địa suy giảm nhanh, điện khí LNG là xu hướng tất yếu nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện gia tăng (10.3% - 12.5%/năm), tương ứng mục tiêu tăng trưởng GDP (vượt 8% vào năm 2025, và đạt mức trung bình khoảng 10%/năm trong giai đoạn 2026–2030) theo quy hoạch điện VIII điều chỉnh. Trong đó, tỷ trọng điện khí LNG trong cơ cấu nguồn điện tăng lên 9.5% - 12.3% năm 2030.

Bên cạnh đó, nhu cầu nhập khẩu LNG từ Mỹ gia tăng nhằm cải thiện cán cân thương mại, hỗ trợ Việt Nam đàm phán các chính sách thuế với Mỹ. Chúng tôi cho rằng, nếu hợp tác diễn ra thuận lợi, Việt Nam sẽ có cơ hội tiếp cận nguồn cung đầu vào ổn định với mức giá ưu đãi hơn thông qua các hợp đồng dài hạn.

Để hiện thực hóa mục tiêu trên, Nhà nước đã ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển nguồn điện khí LNG, tiêu biểu gồm:

- Giảm thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) từ 5% xuống 2% theo Nghị định số 73/2025/NĐ-CP
- Cơ chế giá phát điện LNG mới với mức trần là 3,327.42 VND/KWH theo quyết định số 1313/QĐ-BCT, cao hơn 28% so với mức trần trước đó
- Theo Nghị định 56/2025/NĐ-CP, các nhà máy điện khí LNG sẽ được đảm bảo sản lượng hợp đồng tối thiểu (Qc) tương đương 65% sản lượng bình quân năm trong thời gian tối đa 10 năm, tương ứng với giai đoạn trả nợ vay, qua đó giúp tăng tính chắc chắn về tài chính cho dự án.

Những yếu tố tiên quyết trên sẽ hỗ trợ các đơn vị phát điện LNG trong thời gian tới, tiên phong là POW.

Bảng 2: Mục tiêu tăng trưởng GDP theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh

Kịch bản	2024	2025	2026 - 2030	2031 - 2050
Kịch bản tăng trưởng thấp	7.09%	6.60%	6.60%	6.50%
Kịch bản tăng trưởng trung bình		8.00%	8.00%	7.50%
Kịch bản tăng trưởng cao		9.00%	10.00%	7.50%

Bảng 3: Cơ cấu nguồn điện đến năm 2030 theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh

Loại hình	2023	Tỷ trọng	2030	Tỷ trọng
Thủy điện	22,872	28.7%	33,294 – 34,667	14.7 – 18.2%
Nhiệt điện than	26,756	33.6%	31,055	13.1 – 16.9%
Nhiệt điện dầu khí	1,126	1.4%		
Nhiệt điện khí trong nước	7,152	9.0%	10,861-14,930	5.9 - 6.3%
Nhiệt điện LNG		0.0%	22,524	9.5 – 12.3%
Năng lượng tái tạo	21,664	27.2%	74,048 – 114,144	40.4 – 48.3%
Điện hạt nhân		0.0%	4,000 – 6,400	2.2 – 4.7%
Nhập khẩu	820	1.0%	9,360 – 12,100	5.1 %
Tổng công suất phục vụ nhu cầu trong nước	79,570	100%	183,291 – 236,363	100%

Nguồn: MOIT, PSI tổng hợp

❖ **Dự án trọng điểm Nhơn Trạch 3&4 – ngày vận hành thương mại không còn xa.**

Cập nhật tiến độ: NT3 và NT4 là hai nhà máy điện khí LNG đầu tiên của cả nước với tổng vốn đầu tư xấp xỉ 1.4 tỷ USD. Tính đến cuối Q2.2025, tiến độ thiết kế, cung ứng vật tư và xây lắp (EPC) của NT3 và NT4 đã đạt 99%, trong đó cơ sở hạ tầng truyền tải điện quan trọng như đường dây NT3 – Long Thành dài 26,5 km đã hoàn thành. Để đảm bảo an ninh nhiên liệu và hiệu quả đầu tư cho dự án, POW đã ký hợp đồng cung cấp LNG kéo dài 25 năm với GAS từ năm 2025. Các hợp đồng mua bán điện (PPA) với EVN cũng đã được hoàn tất.

Bảng 4: Các đường dây truyền tải cho nhà máy điện NT3, NT4

Dự án	Công suất	Tiến độ	Chức năng
Nhơn Trạch 3 – Mỹ Xuân – Cát Lái	220KV	Dự kiến hoàn thành trong Q3.2025	Tăng công suất truyền tải và giải tỏa công suất cho nhà máy điện Nhơn Trạch 3; chiều dài 6.8 Km
Nhơn Trạch 3 – Long Thành	500 KV	Hoàn thành T5/2024	Tổng chiều dài 26.5 Km
Nhơn Trạch 4 – Phú Mỹ - Nhà Bè	500 KV	Hoàn thành T12/2024, đúng tiến độ	Giải tỏa công suất cho NT4, tổng chiều dài 4.2 km

Nguồn: NSMO, PSI tổng hợp

Triển vọng: Hai nhà máy mới dự kiến bổ sung khoảng 9 tỷ kWh điện mỗi năm (tương ứng công suất 1,6 GW), là yếu tố then chốt thúc đẩy sự tăng trưởng về sản lượng và doanh thu cho POW. Theo Ban lãnh đạo, với cơ chế vận hành hiện nay, đến năm 2027 Nhơn Trạch 3&4 sẽ có lợi nhuận hòa nhập vào tổng công ty.

❖ **Kế hoạch tăng vốn**

Ngày 07/08 vừa qua, POW đã công bố nghị quyết thông qua kế hoạch triển khai tăng vốn điều lệ. Hiện doanh nghiệp chưa công bố phương án chi tiết song nhiều khả năng đây sẽ là đợt tăng vốn quy mô lớn nhằm tăng cường nguồn lực cho các dự án điện khí trọng điểm đã và sắp triển khai. Đồng thời, việc bổ sung khoản vốn điều lệ mới không chỉ giúp công ty nâng cao năng lực tài chính mà còn tạo tiền đề huy động thêm các khoản vốn - vay mới trong tương lai. Vào ngày 25/9/2025, POW sẽ tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 để thông qua phương án chính thức.

Chúng tôi dự báo triển vọng doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2025 của POW là 39,664 tỷ đồng (+31% YoY) và 1,566 tỷ đồng (+29% YoY) dựa trên các giả định chính dưới đây:

- (1) Tổng sản lượng điện phát ước đạt 18,770 triệu kWh (+9,7% YoY) chủ yếu nhờ đóng góp sản lượng từ NT3 và NT4 trong năm 2025. Theo Nghị định 56/2025/NĐ-CP, các nhà máy điện khí LNG sẽ được đảm bảo sản lượng hợp đồng tối thiểu (Qc) tương đương 65% sản lượng bình quân năm trong thời gian tối đa 10 năm. Dựa trên quy định này, Qc cho NT3 và NT4 ước đạt khoảng 5–6 tỷ kWh/năm.
- (2) Giá bán điện bình quân dự báo cao hơn cùng kỳ chủ yếu do giá phát điện LNG cao hơn các loại hình khác với cơ chế giá trần được công bố gần đây ở mức 3.327,42 đồng/kWh.

Định giá

Chúng tôi sử dụng kết hợp 2 phương pháp định giá là phương pháp dòng tiền tự do về chủ sở hữu (FCFF) và phương pháp hệ số (EV/EBITDA). Kết quả định giá được chúng tôi thể hiện trong bảng dưới đây:

Phương pháp định giá	Tỷ trọng	Kết quả định giá (VND/cp)
Phương pháp dòng tiền tự do cho công ty (FCFF)	50%	18,401
Phương pháp hệ số (EV/EBITDA)	50%	17,793
Tổng hợp kết quả định giá		18,097

Khuyến nghị:

Dựa trên định giá và các động lực tăng trưởng chúng tôi khuyến nghị **MUA** cổ phiếu POW với giá mục tiêu 12 tháng cho cổ phiếu POW ở mức **18,100 đồng/cp** (+19% so với giá đóng cửa ngày 09/09/2025).

Báo cáo tài chính

Kết quả kinh doanh (tỷ VND)	2023	2024	2025F
Doanh thu thuần	28,329	30,306	39,664
Giá vốn hàng bán	(25,625)	(28,308)	(36,488)
Lợi nhuận gộp	2,704	1,998	3,176
Doanh thu hoạt động tài chính	544	566	741
Chi phí tài chính	(895)	(1,309)	(1,351)
Chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp	(1,268)	(878)	(1,381)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1,290	883	1,472
Lợi nhuận khác	152	500	317
Lợi nhuận trước thuế	1,442	1,383	1,788
Lợi nhuận sau thuế	1,283	1,211	1,566
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	1,038	1,112	1,310
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	245	100	256

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	2023	2024	2025F
Tài sản ngắn hạn	29,042	29,981	32,140
I. Tiền & tương đương tiền	8,440	11,564	10,139
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,391	4,112	2,591
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	14,560	11,873	14,858
IV. Hàng tồn kho	2,167	1,795	3,054
V. Tài sản ngắn hạn khác	1,484	636	1,498
Tài sản dài hạn	41,320	49,934	56,513
I. Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0
II. Tài sản cố định + tài sản dở dang	35,434	44,080	50,253
III. Tài sản dài hạn khác	4,926	5,088	5,051
Tổng tài sản	70,362	79,915	88,654
Nợ phải trả	36,243	45,234	51,805
I. Nợ ngắn hạn	26,785	33,457	35,895
1. Khoản phải trả ngắn hạn	21,279	19,949	22,224
2. Vay & nợ thuê tài chính ngắn hạn	5,507	13,508	13,671
II. Nợ dài hạn	9,458	11,777	15,910
1. Các khoản phải trả dài hạn	2,285	2,626	2,849
2. Vay & nợ thuê tài chính dài hạn	7,172	9,151	13,062
Vốn chủ sở hữu	34,119	34,681	36,849
1. Vốn điều lệ	23,419	23,419	23,419
2. Thặng dư vốn cổ phần	(0)	(0)	(0)
3. Lợi nhuận để lại và các quỹ	3,923	4,130	5,440
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2,705	2,671	2,940
5. Nguồn vốn khác			
Tổng nguồn vốn	70,362	79,915	88,654

Chỉ số chính	2023	2024	2025F
Định giá			
EPS	443	475	559
BVPS	13,414	13,668	14,479
Cổ tức			
Khả năng sinh lời			
Biên lợi nhuận gộp	10%	7%	8%
Biên EBITDA	17%	6%	12%
Biên LNTT	5%	5%	5%
ROE	4%	4%	4%
ROA	2%	2%	2%
Tăng trưởng			
Doanh thu	0%	7%	31%
Lợi nhuận gộp	-27%	-26%	59%
Lợi nhuận sau thuế	-50%	-6%	29%
EPS	-45%	7%	18%
Tổng tài sản	24%	14%	11%
VCSH	3%	2%	6%
Thanh khoản			
Thanh toán hiện hành	1.08	0.90	0.90
Thanh toán nhanh	1.00	0.84	0.81
Nợ/tài sản	0.52	0.57	0.58
Nợ/VCSH	1.06	1.30	1.41
Khả năng thanh toán lãi vay	3.55	4.62	3.01



LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội

ĐT: + 84 3934 3888 - Fax: +84 3934 3999

Website: www.psi.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Lầu 1, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3914 6789
Fax: (84-8) 3914 6969

Chi nhánh TP. Vũng Tàu

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, Phường
Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-64) 254520/22/23/24/26
Fax: (84-64) 625 4521

Chi nhánh TP. Đà Nẵng

Tầng G và Tầng 1, Tòa nhà PVcomBank
Đà Nẵng, Lô A2.1 đường 30 tháng 4,
Phường Hòa Cường, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 389 9338
Fax: (84-236) 38 9933

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.